国際アカデミー日本語学院入学願書
Đơn xin nhập học Học viện tiếng Nhật quốc tế Academy

氏名 Họ tên	姓 Họ	名 Tên	写真 最近3ヶ月以内に撮影したもの Hình chụp trong vòng 3 tháng 3cm×4cm
	カタカナ Chữ Katakana		
	漢字 Chữ Hán		
	ローマ字 Chữ Latin		

国籍 Quốc tịch		性別 Giới tính	男 / 女 Nam / Nữ	職業 Nghề nghiệp	

生年月日 Ngày tháng năm sinh	年 Năm 月 Tháng 日 Ngày	年齢 Tuổi	歳 tuổi	既婚 / 未婚 Đã kết hôn / Độc thân

本国住所 Địa chỉ	出生地 Nơi sinh	
	(Tel) (Email)	

	学校名 Tên trường 勤務先名称 Tên công ty	期間 Thời gian (年 月 ～ 年 月) (Năm tháng ～ Năm tháng)
学歴 Quá trình học tập		・ ～ ・
		・ ～ ・
		・ ～ ・
職歴 Quá trình công việc		・ ～ ・
		・ ～ ・
		・ ～ ・
		・ ～ ・

旅券番号 Số hộ chiếu		発行年月日 Ngày cấp	
有効期限 Ngày hết hạn		入国回数 Số lần nhập cảnh	回 lần

過去の日本在留期間 Thời hạn cư trú tạ Nhật trong quá khứ (年 月 日 ～ 年 月 日) (Năm tháng ngày ～ Năm tháng ngày)	在留資格 Tư cách cư trú
・ ・ ～ ・ ・	
・ ・ ～ ・ ・	
・ ・ ～ ・ ・	

具体的な業種、役職名を記入願います。
例：食品販売会社 生産部部長
Hãy ghi cụ thể nội dung công việc, chức vụ.
Ví dụ: công ty buôn bán thực phẩm, trưởng phòng sản xuất.

経費支弁者氏名 Họ tên người trả học phí		本人との関係 Quan hệ với người nộp đơn	
本国住所 Địa chỉ			
		(Tel)	
勤務先名称 Tên công ty		具体職種内容 Nội dung công việc	
勤務先電話番号 Số điện thoại công ty		支弁者年収 Tổng thu nhập một năm của người trả chi phí	

家族 Gia đình

続柄 Quan hệ	氏名 Họ và tên	生年月日 Ngày tháng năm sinh	国籍 Quốc tịch	居住国 Quốc gia cư trú	職業 Nghề nghiệp

在日親族 Gia đình đang cư trú ở Nhật

続柄 Quan hệ	氏名 Họ và tên	生年月日 Ngày tháng năm sinh	国籍 Quốc tịch	学校名 Tên trường 勤務先名称 Tên công ty	在留資格 Tư cách cư trú	同居予定 Dự định sống chung
						Yes ・ No
						Yes ・ No
						Yes ・ No